

CHÀU BÁT - ĐÔNG NHUNG ĐẠI TƯỚNG TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TAM, TỨ PHỦ

Tóm tắt: *Đông Nhung Đại tướng quân là một trong những nữ anh hùng đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Là một nữ anh hùng yêu nước, bà đã tham gia vào cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng chống lại nhà Hán, giành lại hòa bình dân tộc. Nữ anh hùng lịch sử này sau khi chết được phong thần, cho đến khi tín ngưỡng thờ Mẫu hình thành ở Nam Định, bà trở thành Châu Bát - một vị Châu Bà trong hệ thống Tứ phủ. Bằng các nguồn tư liệu khác nhau, bài viết sẽ tập trung phân tích sự phát triển, hội nhập của tục thờ Châu Bát trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam, Tứ phủ và vai trò của vị Thánh Châu này trong nghi lễ Lên đồng.*

Từ khóa: *Châu Bát, Đông Nhung Đại tướng, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam, Tứ phủ, Lên đồng.*

Dẫn nhập

Tục thờ Bát Nạn Vũ Thị Thục ngày nay còn tồn tại chủ yếu ở một số tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ như: Đền Tiên La (Thái Bình), đền Tân La (Hưng Yên), đền Tám Gian (Hải Phòng), đền Châu Tám Đồng Mỏ (Lạng Sơn), Đền Bát Nạn (Phú Thọ)... Ngoài những đền phủ lớn, Bát Nạn đại tướng cũng được phối thờ ở nhiều đình làng, am, miếu nhỏ đặc biệt trong phạm vi tỉnh Thái Bình. Tục thờ Bát Nạn đại tướng – Châu Bát đã trải qua quá trình lịch sử lâu dài với nhiều lần “lên khuôn”. Được biết đến là một trong những nữ tướng tài ba của Hai Bà Trưng, những truyền thuyết dân gian về Bát Nạn đại tướng được dân gian không ngừng bồi đắp. Không chỉ đơn thuần là nữ anh hùng lịch sử, trải qua thời gian, Bát Nạn đại tướng trở thành một Mẫu thần mang nhiều chức năng phù trợ trong cuộc sống sinh hoạt đời thường.

* Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Ngày nhận bài: 16/02/2022; Ngày biên tập: 15/4/2022; Duyệt đăng: 12/7/2022.

Là một bộ phận quan trọng trong không gian văn hóa Sơn Nam, dưới chiều kích lan tỏa mạnh mẽ của tín ngưỡng thờ Tam Tứ phủ với trung tâm là Nam Định, tục thờ Đại tướng Bát Nạn đã có nhiều biến đổi rõ nét về điện thờ, nghi lễ và ngay trong tâm thức chủ thể văn hóa. Ngày nay, tục thờ này đã hội nhập vào tín ngưỡng thờ Mẫu Tam, Tứ phủ. Trong các ngôi đền thờ Bát Nạn với vai trò là thần chủ, vị thần này được tôn lên hàng Thánh Mẫu gọi là Thánh Mẫu Tiên La. Bà được biết đến ở ngôi Chầu Bà thứ tám (Chầu Bát) trong hệ thống điện thần Tam, Tứ phủ. Trong nghi lễ Lên đồng – nghi lễ quan trọng và tiêu biểu nhất của tín ngưỡng thờ Tứ phủ, quan niệm và xu hướng hầu giá Chầu Bát cũng được thực hiện theo các phương thức khác nhau. Các nghiên cứu về tín ngưỡng Tứ phủ, hay nghi lễ Chầu văn – Lên đồng đã được quan tâm trong thời gian qua song các nghiên cứu về các “thành viên” tạo nên điện thần Tứ phủ chỉ mới được quan tâm gần đây. Với Bát Nạn đại tướng, hình tượng một vị nữ tướng tài ba được dân gian tập trung tô vẽ trong các truyền thuyết nhưng chính sự hội nhập vào điện thần Tứ phủ với danh xưng Chầu Bát mới thực sự là “động lực” phát triển tục thờ đến ngày nay. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, kế thừa kết quả của những nghiên cứu đi trước nhằm khái quát các truyền thuyết dân gian tạo nên hình tượng Bát Nạn đại tướng, từ đó chúng tôi sử dụng các phương pháp điền dã dân tộc học, phỏng vấn sâu, thu thập thông tin kết hợp với phân tích, so sánh để lí giải quá trình gia nhập vào hệ thống Tứ phủ của Bát Nạn đại tướng cũng như các xu hướng hầu giá Chầu Bát – Bát Nạn đại tướng trong nghi lễ Lên đồng.

1. Tín ngưỡng thờ Mẫu và lớp thờ Mẫu Tam, Tứ phủ

Thờ Mẫu/ Mẹ là một hiện tượng tín ngưỡng phổ biến trong cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam nói riêng và cư dân sản xuất nông nghiệp lúa nước ở khu vực Đông Nam Á nói chung. Tín ngưỡng này suy tôn vai trò quan trọng của người phụ nữ với những khát vọng về một cuộc sống bình yên và được che chở. Khởi nguồn từ lớp văn hóa bản địa với các nữ thần: nữ thần Lúa, mẹ Đất, mẹ Nước... rồi sau đó là các vị nữ anh hùng, hoàng hậu, công chúa được nhân gian suy tôn lên hàng Mẫu. Trên cơ sở tín ngưỡng thờ nữ thần, mẫu thần dân gian với những ảnh

hưởng của Đạo giáo Trung Quốc, lớp thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ đã hình thành mang nhiều nét đặc trưng của người Việt. Tục thờ mẫu thần, Mẫu Tam phủ, Mẫu Tứ phủ có quan hệ mật thiết với tục thờ nữ thần, tuy nhiên chúng không đồng nhất. Nói cách khác, chỉ một số nữ thần có sự tích, sắc phong rõ ràng mới trở thành Mẫu và cao hơn là Thánh mẫu thuộc Tứ phủ. Bước phát triển từ tục thờ nữ thần đến thờ mẫu thần và thờ Tam, Tứ phủ là một quá trình dài mà ở đó các vị thần dần được “sắp xếp lại” theo thứ bậc thống nhất từ trên xuống dưới.

Trong thờ Mẫu Tam, Tứ phủ thì Thánh mẫu được tôn thờ là vị thần chủ, cai quản quyền năng vũ trụ. Theo quan điểm đó, vũ trụ được chia ra làm ba miền (ứng với Tam phủ) hoặc bốn miền (ứng với Tứ phủ). Tam phủ gồm Thiên phủ (miền trời), Địa phủ (miền đất), Thoải phủ/Thủy phủ (miền sông biển). Tứ phủ là sự phát triển cao hơn của lớp Tam phủ với sự ra đời của Nhạc phủ (miền rừng núi). Đứng đầu mỗi phủ là một thánh mẫu, trong đó, Mẫu Thượng thiên cai quản Thiên phủ, Mẫu Địa cai quản Địa phủ, Mẫu Thượng ngàn cai quản Nhạc phủ và Mẫu Thoải cai quản Thủy phủ. Giúp việc cho bốn thánh mẫu là các vị thánh thuộc hàng quan, châu, ông hoàng, cô, cậu. Để nhận biết vị thánh nào thuộc phủ nào, hệ thống Tam, Tứ phủ phân biệt bằng bốn màu cơ bản: Thiên phủ ứng với màu đỏ, Địa phủ ứng với màu vàng, Nhạc phủ ứng với màu xanh và Thoải phủ ứng với màu trắng. Đó cũng là màu sắc của các đồ cúng tế lễ, của trang phục thánh khi giáng đồng.

Không chỉ phân thành các phủ, các vị thánh trong tín ngưỡng thờ Mẫu còn phân thành các hàng. Xét một cách chung nhất, điện thần Tứ phủ gồm sáu hàng cơ bản gồm: Tam tòa Thánh mẫu, Ngũ vị quan lớn, Tứ phủ châu bà, Thập vị ông hoàng, Thập nhị thánh cô và Thập vị thánh cậu. Trong Tam tòa Thánh mẫu, Mẫu Thượng thiên được xem là hóa thân của Mẫu Liễu Hạnh vốn có gốc nhân thần. Mẫu Thượng ngàn và Mẫu Thoải đều có nguồn gốc sơn thần và thủy thần. Trong nghi lễ hầu đồng, các thanh đồng chỉ hầu trắng bóng (hầu không tung khăn). Sau hàng Mẫu là hàng Ngũ vị quan lớn (hàng quan). Nhiều người cho rằng có tới mười vị thánh hàng quan nhưng thường xuyên giáng đồng nhất có năm vị từ Quan Đệ nhất đến Quan Đệ ngũ. Tứ vị châu bà được coi như hóa thân của Mẫu, phục vụ trực tiếp cho Mẫu.

Số lượng thánh châu lên tới mười hai vị, trong đó một số vị châu bà có sự tích rõ ràng được thờ phụng ở nhiều nơi và thường xuyên giáng đồng. Châu Đệ nhất, Châu Bảy Kim Giao, Châu Chín Cứu Tinh là những vị không rõ thần tích, vì thế cũng ít khi giáng đồng. Dưới hàng châu là hàng các ông hoàng được gọi tên theo các thứ tự từ Ông Hoàng Cả tới Ông Hoàng Mười. Cũng như các quan, hầu hết các ông hoàng đều có nguồn gốc nhiên thần, nhưng theo khuynh hướng địa phương hóa thì các ông hoàng đều được dân gian gắn với một nhân vật có thật. Trong số mười ông hoàng thì Ông Hoàng Bơ, Ông Hoàng Bảy và Ông Hoàng Mười là ba vị thánh có mức độ giáng đồng thường xuyên. Hàng cô gồm mười hai thánh cô là các thị nữ của các thánh mẫu và các châu từ Cô Đệ nhất đến Cô Bé. Các cô Bé thường được địa phương hóa và tôn thờ ở nhiều nơi với nhiều tên gọi khác nhau như: Cô Bé Tân An, Cô Bé Đông Công, Cô Bé Sapa... Cuối cùng, hàng Thập vị thánh cậu là những người chết trẻ (dưới mười tuổi) và hiển linh thành các thánh cậu. Họ là các phụ tá cho ông hoàng. Trong nghi lễ lên đồng, Cậu Hoàng Đôi và Cậu Hoàng Bơ là hai vị thánh cậu giáng đồng thường xuyên hơn cả. Như vậy, có thể thấy hệ thống thần linh Tứ phủ gồm các thiên thần và nhân thần là các vị thần linh đã từng là người trần thế khi chết hiển linh thành thần hay có nguồn gốc tiên, thánh. Xu hướng “trần gian hóa” và “lịch sử hóa” đóng vai trò quan trọng trong quá trình “kiến tạo” nên các vị thần này.

Hiện nay, tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ phát triển rộng khắp trên cả nước nhưng tập trung chủ yếu ở Bắc Bộ đến Huế. Từ Huế trở vào, lớp thờ Tứ phủ được thay thế bằng lớp thờ các vị thánh bản địa như Thiên Y A Na, Linh Sơn Thánh mẫu... Trong đời sống của người Việt, tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ngày càng phổ biến. Ở các không gian đền, phủ, nghi lễ hầu đồng, cúng lễ... diễn ra thường xuyên. Có thể thấy, tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ chính là biểu hiện của tư duy mở, của ý thức về cội nguồn dân tộc, của sức sáng tạo văn hóa không ngừng của người Việt.

2. Hình tượng Đông Nhung đại tướng trong lịch sử

Đông Nhung đại tướng được biết đến là một trong những nữ tướng tài ba của Hai Bà Trưng. Ngày nay ở miền Bắc, có rất nhiều đền phủ

thờ phụng bà như: Đền Tiên La (Thái Bình), đền Tân La (Hưng Yên), đền Tám Gian (Hải Phòng), đền Châu Tám Đồng Mô (Lạng Sơn), Đền Bát Nàn (Phú Thọ)... Truyền thuyết về Đông Nhung đại tướng gắn chặt với quá trình chống ngoại xâm, cổ vũ tinh thần yêu nước của người Việt từ xa xưa, đồng thời cũng cho thấy những tâm tình về cuộc sống ảm đạm, bình yên được gửi gắm của các tác giả dân gian. Các truyền thuyết còn lưu giữ đến ngày nay cho thấy hình tượng Đông Nhung đại tướng quân được định danh dưới nhiều tên gọi khác nhau như: Vũ Thị Thục, Thục Nương, Đông Nhung đại tướng quân, Bát Nạn tướng quân (một số nơi gọi là Bát Nàn hay Bát Ngàn tướng quân), Châu Bát... Mỗi tên gọi đều gắn với các sự kiện quan trọng xoay quanh cuộc đời, hành trạng, quá trình hiển linh và âm phù của vị thánh này.

Xét về số lượng truyền thuyết, ngọc phả, các dị bản truyền thuyết về Đông Nhung đại tướng hầu như đều được xây dựng dựa trên các chi tiết lịch sử ở thời kì đầu công nguyên. Theo khảo sát của chúng tôi¹, các bản truyền thuyết liên quan hầu hết đều trình bày rõ về sự ra đời, cuộc đời, những chiến công và cái chết của Đông Nhung đại tướng. Tuy nhiên, xem xét kỹ thì có thể nhận thấy một số chi tiết trong các bản kể không thực sự vững chắc và rõ ràng về niên đại, tính chất logic, hệ thống. Điển hình như chi tiết về chồng của Đông Nhung đại tướng Vũ Thị Thục, chúng tôi ghi nhận được ba nguồn văn bản khác nhau gồm: Phạm Danh Hương là quận trưởng quận Nam Châu(?)², Phạm Hương là quan huyện doãn Chu Diên³ và Phạm Danh Hương là con trai huyện trưởng huyện Chu Diên (vùng đất Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định ngày nay)⁴. Hay một chi tiết khác xuất hiện trong các bản kể ở vùng Hưng Yên, khi kể về quá trình hai lần chiến đấu chống quân nhà Đông Hán, các bản kể này đề cập đến các địa danh gắn với Hưng Yên như “sau khi đánh bại quân Tô Định, bà đưa quân về lập đồn tại Tân La, tổng Tiên Cầu, huyện Kim Động, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam (nay là thôn Đoàn Thượng, Hưng Yên). Trong lần quyết chiến với nhà Hán lần thứ hai, bà và quân sĩ đã giao chiến tám trận với giặc, trong đó, trận thứ bảy đã diễn ra tại khu vực đền Tân La (thuộc thôn Đoàn Thượng - Hưng Yên ngày nay), khi rút quân khỏi địa điểm này, nghĩa quân có để lại một lá cờ làm nghi binh, ngày nay còn gọi là Ao lá cờ”⁵ trong khi các bản kể còn lại đều cho

rằng địa danh Tiên La/ Tân La thuộc về vùng Diên Hà, phủ Tiên Hưng (xã Đoan Hùng - Thái Bình ngày nay). Điều đó cho thấy các yếu tố lịch sử từ buổi đầu Công nguyên trong truyền thuyết cũng mang tính mờ của dân gian.

Nếu bỏ qua các yếu tố thần kì, kì ảo thì câu chuyện về Đại tướng Đông Nhung Vũ Thị Thục có thể được trình bày cơ bản như sau: Vũ Thị Thục là con gái ông Vũ Chất và bà Hoàng Thị Mậu (có tư liệu viết là Hoàng Thị Mậu/ Hoàng Thị Mậu) người trang Phụng Lâu, huyện Bạch Hạc (nay thuộc tỉnh Phú Thọ). Ông bà là người hiền lành, nhân đức, hay giúp đỡ kẻ nghèo khó, chuyên nghề làm thuốc đông y. Họ sinh được một cô con gái tên là Thục Nương. Lớn lên Thục Nương nổi tiếng xinh đẹp, tài đức, tinh thông võ nghệ. Ông bà đã nhận lời gả Thục Nương cho Phạm Danh Hương. Tiếng lành đồn xa, biết Thục Nương là người xinh đẹp, tài giỏi, Tô Định liền sai sứ giả đến nhà Vũ Chất hỏi cưới Thục Nương nhưng ông không đồng ý vì đã gả Thục Nương cho Phạm Danh Hương. Tô Định không tin, sai mời cả Phạm Danh Hương đến dự tiệc để chứng thực việc ấy. Ngay giữa bữa tiệc, Tô Định ép Phạm Danh Hương phải nhường Thục Nương lại cho mình. Phạm Danh Hương và Vũ Chất kiên quyết chống lệnh, Tô Định lập tức giết chết cả 2 người sau đó cho một toán quân đến trang Phụng Lâu bắt con gái ông Vũ Chất. Những người thân tín của Vũ Chất ở trong dinh Thái thú đã kịp báo tin dữ về, Thục Nương vội vàng thu xếp cho mẹ và mọi người trong gia đình ra bến sông tìm đường lánh nạn còn mình thì ở lại đợi chờ. Bọn tướng tá của Tô Định vừa tìm đến trang thì Thục Nương đã múa kiếm xông vào, giết chết ngay tên cầm đầu cùng một số lính giặc rồi nhanh chân lánh mình. Xuôi theo dòng sông, Thục Nương đến địa phận ấp Tiên La, huyện Diên Hà (nay là Hưng Hà – Thái Bình) thì thấy một ngôi chùa. Người dân trong làng sau khi nghe toàn bộ câu chuyện của Thục Nương cùng với lòng căm ghét tên Thái thú Tô Định đều xin tham gia làm thủ hạ của Thục Nương. Thấy lòng trung nghĩa của nhân dân, từ đó Thục Nương ở lại Tiên La, giả làm nhà sư, ban ngày coi giữ nhà chùa, ban đêm lo chiêu dụ quân tướng, tích trữ lương thực, tập tành võ nghệ. Dần dần, lực lượng lên tới cả nghìn người, Thục Nương dựng cờ thêu bốn chữ “Bát Nạn tướng quân”⁶ chuẩn bị khởi nghĩa. Lúc này, Hai Bà Trưng dựng

cờ khởi nghĩa ở Mê Linh, truyền lệnh mời nghĩa quân của Thục Nương về tụ nghĩa. Hưởng ứng lời kêu gọi, các nghĩa sĩ vùng Đa Cương đã hội tụ về Mê Linh. Dưới trướng của chị em Trưng Trắc – Trưng Nhị, bà được phong là “Đông Nhung đại tướng quân”, sai làm tiền bộ đánh đầu thắng đó. Sau khi đuổi được giặc Hán, Hai Bà Trưng phong cho Bát Nạn làm Trình Thục công chúa, cho hưởng lộc ở ấp Tiên La, lại cho về Phụng Lâu thăm họ hàng. Mùa xuân năm Nhâm Dần (42 SCN), Phục Ba tướng quân Mã Viện cùng đội quân tinh nhuệ hùng hậu tiến sang nước ta. Quân ta đón đánh nhiều trận nhưng không lợi thế do sức giặc quá mạnh. Bà Trưng phải rút về Cẩm Khê, Bát Nạn tướng quân chống đỡ để bảo vệ nữ chúa, cuối cùng cũng phải rút về Tiên La. Một thời gian sau đó, vào ngày 18 tháng 3 (ÂL), khi bà cùng một số người thân tín đang suy tính việc nước thì giặc Hán kéo tới. Thục Nương vội vàng rút kiếm ra chống đỡ, tiêu diệt được một số tên rồi dùng gươm tự kết liễu bên gò Kim Quy.

Như vậy có thể thấy trong lịch sử, Đông Nhung đại tướng là một nữ tướng từ thời Hai Bà Trưng, đã có công chống quân xâm lược nhà Hán. Sau khi mất, bà được nhân dân tôn kính và lập đền thờ ở nhiều nơi, tập trung nhiều nhất ở Thái Bình. Câu chuyện về Đại tướng Đông Nhung chính là biểu tượng cho sức mạnh, lòng yêu nước và ý chí kiên cường của các thế hệ người Việt.

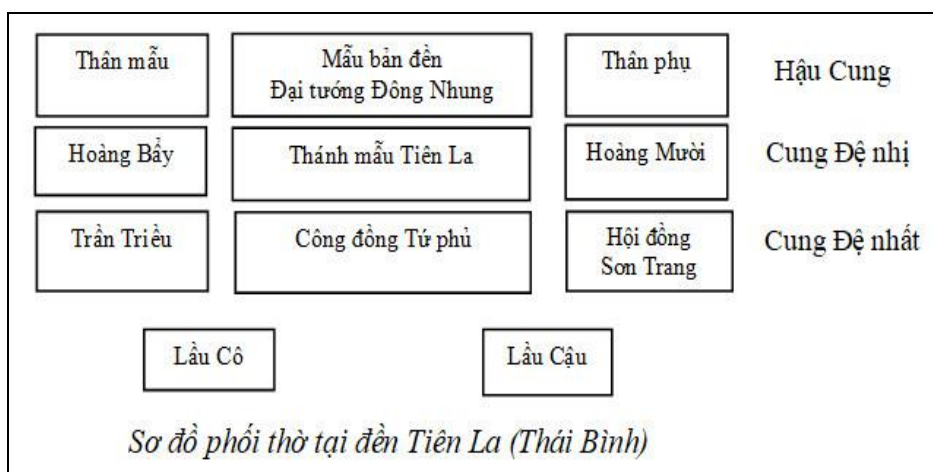
3. Châu Bát trong tín ngưỡng Tứ phủ

3.1. Sự hình thành và vai trò của châu Bát trong tín ngưỡng Tứ phủ

Dưới khúc xạ của tư duy cảm thụ dân gian, hình ảnh Đại tướng Đông Nhung không chỉ hiện diện là một bậc anh hùng có công với đất nước mà còn trở thành một phúc thần, mẫu thần đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau tại những thời điểm cụ thể trong đời sống hằng ngày của người dân. Ngày nay, tục thờ Bát Nạn tướng quân nổi lên với vai trò một mẫu thần trở thành xu hướng trong hầu hết các không gian thiêng thờ phụng vị nữ tướng này, mà đậm đặc nhất phải kể đến Thái Bình. Sách *Văn hóa văn nghệ dân gian ở huyện Hưng Hà* tả: Ở Tiên La, Phủ Luộc con công đệ tử có đến hàng ngàn. Riêng Phủ Tiên La, con công đệ tử không chỉ là dân trong vùng mà còn từ các nơi khác

đến như Thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận... mỗi tòa một chiếu đồng, cung văn hát cả ngày, hương khói mờ mịt...”⁷. Dân các làng Tiên La, Đôn Nông, Lương Xá, An Nhân, Hồng An đều lập đền thờ. Ở đây, Bát Nạn đại tướng được liệt vào hàng “Tứ linh từ” của phủ Tiên Hưng xưa⁸.

Về phương diện thờ cúng, nhân vật “nửa huyền thoại, nửa lịch sử” này ngày nay đã hoàn toàn hội nhập vào hệ thống thờ Mẫu Tam, Tứ phủ. Trong các ngôi đền thờ Bát Nạn được thờ phụng như vị thần chủ, vị thần này được tôn lên hàng thánh mẫu gọi là Thánh mẫu Tiên La. Bà được biết đến ở ngôi Chầu Bà thứ tám trong hệ thống điện thần Tam, Tứ phủ. Trong 4 địa điểm thờ phụng thánh Bát Nạn là thần chủ gồm: đền Tiên La (Thái Bình), đền Tân La (Hưng Yên), đền Tám Gian (Hải Phòng), đền Bát Nạn (Phú Thọ), đền Đồng Mỏ (Lạng Sơn), chỉ có đền Bát Nạn ở Phú Thọ không chịu sự ảnh hưởng của quá trình Tứ phủ hóa. Ở những địa điểm còn lại, quá trình Tứ phủ hóa diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là ở Thái Bình – không gian khởi nguyên của tục thờ này. Tại đền Tiên La, các vị thần trong Tứ phủ được thờ tự tại các cung Đệ nhất và Đệ nhị, trên các xà ngang đều có ông Lốt xanh- trắng và các nón công đồng mang đậm màu sắc Tứ phủ. Tại cung thờ Đệ nhị, Chầu Bát được tôn xưng là Thánh mẫu Tiên La và được thờ như một “thành viên” trong điện thần Tứ phủ. Trong hậu cung đền Tiên La, Bát Nạn được thờ dưới hình thức một vị tướng cùng các tướng sĩ giúp bà đánh giặc – nét khởi nguyên của tục thờ này.



Theo Ngô Đức Thịnh, hiện tượng hội nhập theo hình thức “Mẫu hóa” phổ biến ở nhiều nơi, nhất là với các nữ thần hiển linh, được tôn xưng là Mẫu (Vương mẫu, Quốc mẫu, Thánh mẫu)⁹. Hòa cùng với dòng chảy của tín ngưỡng thờ Mẫu và cao hơn là Mẫu Tam, Tứ phủ, tục thờ Châu Bát gắn với Tứ phủ được xem là lớp văn hóa muộn, không sớm hơn thế kỉ XVI và chắc chắn đã dần hội nhập vào điện thần Tứ phủ từ những thế kỉ sau đó. Trong điện thần Tứ phủ, hầu hết các ý kiến đều thống nhất cho rằng Châu Bát thuộc hàng Châu Bà thứ tám trong Tứ phủ Châu Bà. Trong bốn phủ (Thiên, Nhạc, Địa, Thủy), Châu Bà là vị thánh thuộc phủ Nhạc (hay phủ Thượng ngàn). Ở các đền thờ Châu Bát là thần chủ và có sự ảnh hưởng của lối thờ Tứ phủ, tượng Châu Bát thường mặc áo màu vàng và được phối thờ cùng các vị thánh khác trong điện thần Tứ phủ. Ở các đền, phủ này, các nghi lễ quan trọng của tín ngưỡng thờ Mẫu cũng thường xuyên diễn ra như: nghi lễ trả mã bốn phủ, nghi lễ cắt giải tiền duyên, nghi lễ tiền căn, nghi lễ dâng sao giải hạn và phổ biến hơn cả là nghi lễ lên đồng.

Quá trình Châu Bát gia nhập vào đình đền Tứ phủ, theo chúng tôi, chịu sự ảnh hưởng của hai yếu tố: (1) tình hình xã hội đương thời và (2) sức lan tỏa mạnh mẽ của lớp tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ.

Thứ nhất, tình hình xã hội là một trong những nguyên nhân chủ yếu tác động đến sự hình thành và phát triển của tín ngưỡng dân gian. Trong các nghiên cứu liên quan đến thực hành tín ngưỡng đã cho thấy khi những khúc mắc, những khó khăn và bế tắc của cuộc sống không thể giải quyết bằng các biện pháp thế tục, người ta thường tìm đến với tín ngưỡng, nhất là đối với phụ nữ. Những biến cố chính trị thời đại xảy ra liên tiếp, dù ở thời kì nào, người dân cũng là đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề hơn cả. Vì vậy, trong xã hội đầy rẫy những bất công, con người có xu hướng lấy thần linh làm chỗ dựa. Theo lí thuyết thang nhu cầu của Abraham Maslow, một khi bối cảnh sống thay đổi, lập tức nó tác động đến từng bậc nhu cầu của con người, trong đó nhu cầu được an toàn càng có giá trị then chốt. Trở lại với tục thờ Châu Bát, đức tin, sự ngưỡng vọng cộng với tình cảm gần gũi và thiêng liêng khiến dân gian chọn hình ảnh người phụ nữ vừa mạnh mẽ vừa hiền từ để nương tựa. Nương tựa vào Mẫu, họ dần tìm lại cân bằng trong cuộc

sống đầy biến động và thách thức. Nói cách khác, nhân dân đã nhìn thấy sự đồng nhất trong con đường phát triển của tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu và tục thờ Bát Nạn. Từ thế kỉ XVI, trước những bất công của xã hội cùng sự phát triển của Đạo giáo ở Việt Nam, tín ngưỡng thờ Mẫu ra đời và đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân trải khắp từ miền bắc đến xứ Huế. Ở một không gian nhỏ hơn, để tồn tại vững chắc và đáp ứng được những nhu cầu mang tính thời đại của dân gian, dù muốn hay không, Bát Nạn đại tướng được dân gian “trao quyền” để trở thành một thánh mẫu có chức năng của một phúc thần, “tăng quyền” để vị thánh này dần bước chân vào điện thần Tứ phủ với mục đích duy nhất là gia tăng uy thế của thần và đảm bảo vị trí vững chắc của thần, không chỉ trong điện thần Tứ phủ mà còn trong tâm thức dân gian.

Thứ hai, bên cạnh sự khủng hoảng xã hội, sự thịnh hành của các nghi thức mang màu sắc Đạo giáo, và đặc biệt là sự phát triển của lớp tín ngưỡng thờ Tam, Tứ phủ, đã góp phần vào sự lan tỏa và phát triển vững chắc tục thờ Bát Nạn ở Thái Bình và các khu vực lân cận. Lớp thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ là bước phát triển “lên khuôn” của các vị thánh thần, của nhiều tục thờ rời rạc thành một hệ thống có tầng, bậc thống nhất, mà thần chủ cao nhất là Mẫu Liễu Hạnh. Nguyên lí du nhập của tín ngưỡng thờ Mẫu theo Ngô Đức Thịnh là “lịch sử hóa”, “thần thánh hóa” và “trần gian hóa” các vị thần. Và bằng cách đó, “đạo Mẫu gắn bó với cội nguồn và lịch sử dân tộc, đã trở thành một biểu tượng của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, một thứ chủ nghĩa yêu nước đã được tâm linh hóa, tín ngưỡng hóa mà trong đó người Mẹ - Mẫu là trung tâm”¹⁰. Trước khi trở thành vị thần chủ của đạo Mẫu, Liễu Hạnh tiên chúa là một người mẹ, người vợ, người phụ nữ trong gia đình, rồi sau đó trở thành thánh, thành tiên, thành mẫu. Trong các tích truyện về Bát Nạn, hình tượng nữ tướng cũng được “lên khuôn” theo quá trình ấy. Trước khi trở thành một võ tướng, một mẫu thần, một vị chầu bà, Thục Nương cũng là một người vợ, một người phụ nữ bình thường như bao người khác. Ở cuộc đời của họ đều có phần thực và phần hư. Từ những nguyên lí và đặc điểm nêu trên, tục thờ Bát Nạn hội tụ đủ yếu tố để dân gian đưa vào điện thần Tứ phủ và trở nên “Tứ phủ hóa”.

Hơn nữa, không gian địa lý cũng là nhân tố thúc đẩy quá trình gia nhập và bám rễ sâu hình tượng Bát Nạn vào điện thần Tứ phủ. Theo lý thuyết “Trung tâm và ngoại vi” trong nghiên cứu văn hóa, đặc trưng cơ bản của trung tâm văn hóa là thu hút, tích hợp, lên khuôn và lan tỏa và khi các nhân tố văn hóa được tích hợp và thu hút vào trung tâm thì trên cái nền tự nhiên, kinh tế, chính trị và xã hội luôn sống động đó, các nhân tố văn hóa được nhào nặn, tái cấu trúc hóa và lên khuôn¹¹. Từ trung tâm Nam Định, chắc hẳn trong suốt một thời gian dài, tín ngưỡng Tứ phủ đã phát triển rộng khắp đến các làng quê nông nghiệp ở vùng Thái Bình, Hưng Yên. Khoảng cách địa lý giữa Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên cũng không quá xa, cho phép tín ngưỡng thờ Tam, Tứ phủ dễ dàng lan tỏa đến từng làng xã. Từ thế kỉ XIX, ở phủ Tiên Hưng đã lưu truyền câu ca dao: Đã là con mẹ, con cha/ Thì sinh ở đất Diên Hà, Thần Khê. Theo lí giải dân gian, “mẹ”, “cha” trong hai câu này chỉ Mẫu Bát Nạn (thờ tại đền Tiên La, Hưng Hà) và Đức vua cha Bát Hải (thờ tại đền Đồng Bằng, Quỳnh Phụ)¹². Ngày nay, chỉ tính riêng ở huyện Hưng Hà có đến 138 di tích thờ 111 thần nữ, ở 109 thôn làng trong 32 xã, thị trấn, trên tổng số 262 thôn của 35 xã, thị trấn. Kết quả kiểm kê di tích năm 2014 của Phòng Văn hóa Thông tin cho biết, có 111 nữ thần, trong đó các vị thánh thuộc hệ thống Tứ phủ được thờ ở nhiều nơi nhất. Tín ngưỡng thờ Mẫu đậm đặc nhất là ở phủ Cửa Luộc, phủ Tiên La, phủ Bùi, phủ Nguyễn, phủ Me, phủ Ngụen¹³. Điều đó khiến không gian Tứ phủ đã lan tỏa mạnh mẽ và có vị trí quan trọng trong tâm thức người dân Thái Bình nói riêng và Hưng Hà nói chung. Với sự xuất hiện dày đặc của các đền thờ Tứ phủ trên chính không gian phát tích, hình tượng Bát Nạn nhanh chóng được tích hợp, lên khuôn vào điện thần Tứ phủ để rồi sau đó lan tỏa hình tượng này trong vai trò của vị châu đứng thứ tám trong hàng Tứ phủ Châu Bà.

Có thể xem quá trình gia nhập vào hệ thống Tứ phủ, trở thành Châu Bà trong hệ thống Tứ phủ, thậm chí là Thánh mẫu đối với dân chúng vùng Thái Bình, Hưng Yên là bước lên khuôn lần thứ 2 sau khi vị nữ tướng này được dân gian phong lên hàng thần. Sự gia nhập này xuất phát từ hai yếu tố quan trọng là bối cảnh kinh tế xã hội bất ổn cùng nền tảng nông nghiệp cổ hữu, lâu đời và sự phát triển, lan tỏa nhanh chóng của tín ngưỡng Tứ phủ trong không gian thờ cúng Bát Nạn

tướng quân. Xuất hiện theo nhu cầu tâm linh của người Việt ở từng không gian cụ thể, vị Thánh Bát Nạn “phải” có thêm những quyền năng tương ứng để có thể đáp ứng được nhu cầu tâm linh mới xuất hiện. Sau khi tín ngưỡng thờ Mẫu, đặc biệt là lớp tín ngưỡng Tứ phủ định hình và phát triển, phải chăng đây là lúc bà Bát Nạn phải “tăng quyền” để trở thành mẫu thần/ châu bà thì mới đủ khả năng bảo trợ/ hỗ trợ cho cộng đồng trong môi trường xã hội nhiều bất ổn và thách thức. Tư duy dân gian đã tạo nên hình tượng Mẫu Bát Nạn có thêm nhiều quyền năng sau khi hóa và trở thành vị thần tối thượng phổ biến hơn, độ bao phủ, biên độ phù trợ cũng lớn hơn và mang tính hướng ngoại hơn (phục vụ cho mọi đối tượng trên cả nước) trong hệ thống Tứ phủ dưới danh xưng Châu Bát.

3.2. Giá Châu Bát trong nghi lễ lên đồng

Trong các lễ hội thờ Mẫu thì Châu văn và hầu đồng được coi là nghi lễ quan trọng nhất. Sự hiển linh của các vị thần Tứ phủ với những cá tính và sở trường riêng được thể hiện trong các nghi lễ lên đồng. Ở đó thần linh nhập vào các ông, bà đồng nhằm đáp ứng từng nhu cầu thiết thân và cụ thể cho những đối tượng tín mộ – điều mà các tôn giáo lớn có các hệ thống luật lệ bài bản khó lòng đáp ứng được những ước vọng đời thường¹⁴. Với Châu Bát, hình tượng vị võ tướng tài ba từ thời Hai Bà Trưng là hình ảnh khá cao xa với xã hội đương đại, khiến mỗi người đều tự cảm thấy khó gần gũi. Nhưng khi kết hợp giữa hình tượng một nữ tướng mạnh mẽ với hình tượng của một vị châu bà, hiện thân của người bà, người mẹ trong tâm thức người Việt vô hình trung tạo ra một không gian vừa thiêng, vừa thực, có thể đáp ứng trực tiếp mọi khẩn nguyện của người cầu xin. Thông qua nghi lễ lên đồng, dân chúng biết rõ “địa chỉ” của những vị thánh có đủ quyền năng đáp ứng nguyện vọng của mình. Trong các bản văn Châu Bát, những nhu cầu của cuộc sống đương đại được tái hiện hết sức gần gũi:

Khách thập phương cầu của cầu con

Người thời thành thị bán buôn

Ai ai cũng được vương tròn đội ơn¹⁵

Ngày nay, nhiều ý kiến vẫn đặt ra về thứ tự xuất hiện của vị thánh này trong nghi lễ lên đồng thế nào mới là đúng. Bên cạnh đó, từ các truyền thuyết dân gian với nhiều dị bản cùng nhiều luồng ý kiến về thứ tự xuất hiện của Châu Bát nên phương thức thực hành giá Châu Bát trong nghi lễ lên đồng cũng có sự khác biệt, nổi bật là xu hướng hầu giá Châu Bát như một võ tướng và hầu giá Châu Bát như một vị thánh miền rừng núi¹⁶.

Trong nghi lễ lên đồng, Châu Bát là vị thánh nữ thường về ngự đồng, nhất là những dịp tiệc vui hay khi các thanh đồng về đền châu. Trong quá trình khảo sát, phần lớn các ông bà đồng¹⁷ đều cho rằng Châu Bát là vị thánh châu thứ 8 trong hàng Tứ vị Thánh châu. Khi thực hành nghi lễ lên đồng, vị thánh châu này xuất hiện sau khi thanh đồng đã hầu các giá thuộc hàng Mẫu (hầu tráng bóng), các giá hàng Quan, các giá hàng Châu (từ Châu Đệ nhất đến Châu Bảy Kim Giao). Các thanh đồng cũng cho rằng Châu Bát thuộc phủ Thượng ngàn nhưng không đồng nhất với Mẫu Thượng ngàn. Do hai vị thánh có truyền thuyết và tích truyện hoàn toàn khác nhau nên không thể hầu giá Châu Bát đồng nhất với giá Châu Đệ nhị hay hầu sau ba giá Mẫu. Phần đông các thanh đồng này cũng khẳng định Châu Bát là một vị thánh thuộc hàng Tứ phủ, vì thế khi thực hiện nghi lễ hầu đồng phải theo đúng lễ lối, thứ tự từ xưa truyền lại. Họ cũng không đồng ý với ý kiến cho rằng Châu Bát là vị thánh châu thuộc hệ thống các quốc mẫu dù không thuộc Tứ phủ nhưng vẫn xuất hiện trong nghi lễ lên đồng, như các giá Quốc mẫu Tây Thiên, Chúa Ngũ phương, Chúa Nguyệt Hồ... Quan điểm này cũng trùng với ý kiến của chúng tôi về vị trí của hình tượng Châu Bát trong tín ngưỡng Tứ phủ và nghi lễ Lên đồng.

Ý kiến còn lại cho rằng Bát Nạn đại tướng là Mẫu Tiên La/ Tân La, có vị trí ngang hàng với Mẫu Thượng ngàn dù là thiếu số nhưng lại là khẳng định “chắc chắn” từ hai vị thủ nhang đền Tiên La¹⁸ (Thái Bình) và Tân La¹⁹ (Hưng Yên) cùng một số đệ tử, thanh đồng tại hai bản đền này. Trong vai trò vừa là đồng thầy vừa là thủ nhang, cả hai đều cho rằng sau khi Bát Nạn đại tướng hóa và trở lại miền thượng ngàn cai quản các cửa rừng, bà chính là hiện thân của Mẫu Thượng ngàn. Vì thế, ông thủ nhang N. ở đền Tiên La sử dụng tên gọi Bát Ngàn Đại

tướng (thay vì Bát Nạn). Chia sẻ với chúng tôi, ông cho biết Mẫu Bát Nạn ở Tiên La với Mẫu Liễu ở Phủ Dầy là cùng một vị, các tên gọi khác nhau là do các lần giáng sinh khác nhau của Mẫu ở nhiều nơi nên đặt ra nhiều tên gọi. Ông cho rằng: “Thứ nhất là hội Tiên La, thứ nhì Kiếp Bạc, thứ ba Phủ Dầy” và lí giải Tiên La là nơi quan trọng nhất do đây là nơi Mẫu giáng sinh lần đầu tiên, sau đó mới giáng sinh ở Nam Định và nhiều nơi khác. Theo ông, mọi nơi thờ tự trên cả nước hiện nay đều chỉ thờ một Mẫu chung. Để khẳng định thêm tính chân thực, ông thủ nhang cho biết ông đã được nghe từ các cụ già trong làng truyền lại và có nhiều sách vở cũng có ghi chép nhưng vì chiến tranh, thiên tai đều đã thất lạc²⁰. Theo chúng tôi, những thông tin vị thủ nhang này đưa ra dù chưa có căn cứ và có phần “hư ảo”, nhưng với cương vị của một đồng thầy lâu năm tại Thái Bình, lại là thủ nhang đền Tiên La, nên những thông tin ông đưa ra vẫn “thuyết phục” được số lượng lớn các con nhang đệ tử. Theo cấp số nhân, quan điểm cho rằng Chầu Bát là hiện thân của Mẫu Thượng ngàn dù không phải là quan điểm chiếm đa số nhưng nó vẫn tồn tại bởi đức tin của một bộ phận thanh đồng. Từ quan điểm này, vị trí của hình tượng Chầu Bát trong nghi lễ lên đồng cũng có sự thay đổi theo hướng tôn vinh Chầu Bát ở ngôi vị cao nhất trong tín ngưỡng Tứ phủ. Trong quá trình thực hiện nghi lễ lên đồng, giá Chầu Bát thường xuất hiện ngay sau ba giá hầu Mẫu. Trong một số trường hợp, nếu thanh đồng thỉnh thêm các giá thuộc phủ Trần Triều (Đức Ông Trần Triều, Đức Ông Đệ tam, Vương Cô Đệ nhất,...) thì giá Chầu Bát được hầu ngay sau giá Cô Bé Cửa Suốt/Cậu Bé Cửa Đông và trước các giá hàng quan (Quan Đệ nhất, Quan Đệ nhị,...). Dù vẫn thừa nhận là một vị thánh trong hệ thống thần linh Tứ phủ, nhưng quan điểm này lại cho thấy Chầu Bát là hiện thân của Thánh mẫu Thượng ngàn nên dù mang danh xưng Chầu Bát thì bà vẫn có thứ bậc cao hơn các vị thánh hàng quan. Dù là quan điểm thiểu số và không phổ biến nhưng lại xuất phát từ các địa điểm thờ tự Bát Nạn đại tướng như một thần chủ nên chúng tôi vẫn thừa nhận đây là một quan điểm khác về Chầu Bát trong hệ thống Tứ phủ.

Từ các quan điểm khác nhau về cuộc đời, hành trạng và sự hiển linh của hình tượng Chầu Bát, việc “tái hiện” hình ảnh Chầu Bát trong nghi lễ lên đồng cũng hình thành hai xu hướng: tái hiện Chầu Bát trong vai

trò của một võ tướng và tái hiện Châu Bát vừa là võ tướng vừa là người thôn nữ miền thượng ngàn, trong đó tính thượng ngàn có phần nổi trội và lấn át. Hai xu hướng này cũng diễn ra song song với hai quan điểm về thứ tự xuất hiện hình tượng Châu Bát trong nghi lễ Lên đồng.

Xu hướng thứ nhất: Khi Châu Bát là võ tướng

Trong nghi lễ Lên đồng, các động tác múa nói chung của các vị thánh là quan võ, không phân biệt là thánh hàng nam hay nữ, đều thể hiện sự mạnh mẽ, dứt khoát. Với quan niệm Châu Bát là vị thánh châu thứ tám trong hàng Tứ phủ Châu Bà, là một nữ tướng từ thời Hai Bà Trưng, các thanh đồng khi thực hiện hầu giá Châu Bát đều sử dụng khăn vành dây, áo màu vàng, quần màu đen, chân đi xà cạp, có dải von hoặc vĩ lét thắt dải buộc, sau lưng dắt kiếm và cò lệnh. Các động tác như múa kiếm, múa cò được thực hiện dứt khoát và đặc biệt không sử dụng điệu múa mềm mại như các thánh nữ miền núi dù Châu Bát cũng nằm trong phủ Thượng ngàn. Trong giá này, các thanh đồng cũng sử dụng khăn tấu hương và tiến hành khai quang như các giá nam thần. Đôi khi họ sử dụng quạt để tấu hương sau đó khai quang. Với tạo hình này, các điệu văn được sử dụng chủ yếu là điệu *miếu, thống*, đôi khi sử dụng điệu *còn* tạo nên không khí trang nghiêm. Nội dung bản văn chủ yếu tập trung ca ngợi công đức và tài năng của tướng Bát Nạn và hầu hết sử dụng bản văn dành riêng cho giá hầu Châu Bát²¹. Xu hướng hầu giá Châu Bát này được xem là xu hướng phổ biến, được đa số các thanh đồng thực hiện. Trong số lượng các cuộc lên đồng chúng tôi đã tham gia, xu hướng hầu này cũng chiếm đa số. Tất cả các thanh đồng quan niệm Châu Bát là vị châu thứ tám trong hàng Tứ phủ Châu Bà trong khảo sát của chúng tôi đều hầu giá Châu Bát theo xu hướng này²². Nhiều thanh đồng còn cho rằng đây là lối cổ được tiếp nối từ nhiều đời cho đến ngày nay.

Xu hướng thứ hai: Khi Châu Bát vừa là võ tướng vừa là Mẫu Thượng ngàn

Đồng nhất với quan niệm coi Châu Bát là võ tướng nhưng khi hóa trở thành Mẫu Thượng ngàn, yếu tố thượng ngàn trong các giá hầu này được các thanh đồng tái hiện trong diện mạo của một vị thánh người dân tộc thiểu số như các giá Châu Bà Đệ nhị, Châu Lục, Châu

Bé Bắc Lệ. Theo khảo sát của chúng tôi, cung cách hầu giá Châu Bát theo lối sơn trang chủ yếu được thực hiện bởi thủ nhang và các đệ tử ở đền Tiên La và Tân La²³. Trong các cuộc lên đồng của các thanh đồng tại hai bản đền Tiên La và Tân La, chầu Bát về ngự đồng mặc áo màu vàng, dùng khăn củ ấu, khăn mỏ quạ hay kiêu khăn *piêu* (của người Thái), dùng các loại xà tích như các giá cô, chầu miền thượng. Sau khi múa cờ, múa kiếm là múa môi. Đây là điệu múa tiêu biểu cho các giá chầu, giá cô có xuất xứ từ phủ thượng ngàn. Từ đây, cung văn chỉ hát các điệu *xá thượng*, *xá lệch* khiến không khí trong giá Châu Bát vui tươi, sôi động, khác hẳn với không khí trang nghiêm theo xu hướng hầu là một vị tướng. Trong các giá hầu này, các con nhang đệ tử cũng được ban phát lộc là tiền, hoa quả.

Có thể thấy, dù bước chân vào đình đền Tam, Tứ phủ và định hình vững chắc trong hệ thống này, nhưng xoay quanh phương thức tái hiện Châu Bát vẫn còn tồn tại các quan điểm khác nhau tùy thuộc vào nhận thức của các thanh đồng, đồng thầy, con nhang đệ tử và không gian thờ phụng. Theo các thanh đồng, nhận thức của mỗi người có thể có sự khác biệt từ đó có những cách thức tái hiện khác nhau, quan niệm khác nhau nhưng ở họ đều có chung đức tin, sự thành kính dành cho Đông Nhung đại tướng – Châu Bát. Điều đó cũng cho thấy tính mở, tính linh động vốn có của tín ngưỡng dân gian.

Kết luận

Tục thờ Đông Nhung đại tướng – Châu Bát đã trải qua quá trình lịch sử lâu dài với nhiều lần “lên khuôn”. Từ một vài chi tiết xương sống trong tích truyện, dân gian không ngừng đưa các yếu tố văn hóa địa phương để bồi đắp thêm uy lực của bà. Nói cách khác, họ đã cố gắng “trao quyền” cho nhân vật được phụng thờ, khéo léo kết hợp với “vương quyền” để tăng thêm uy thế thần quyền.

Quá trình Tứ phủ hóa hình tượng Bát Nạn đại tướng dù là lớp văn hóa muộn nhưng lại là bước phát triển rực rỡ nhất đưa vị thánh chầu này trở thành một trong 12 vị chầu bà Tứ phủ có quyền năng vô hạn, quá trình tăng quyền mở ra không ngừng với thời gian để theo kịp sự thay đổi về nhu cầu nguyện vọng của nhân dân trong một xã hội luôn có nhiều đổi thay.

Được định hình vững chắc trong điện thần Tứ phủ, tuy nhiên thông qua tưởng niệm, đức tin và lòng thành kính mà các thanh đồng, các con nhang đệ tử sẽ có cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau về vị thánh được mình thờ phụng. Tồn tại hai quan điểm Bát Nạn là vị châu bà thứ tám trong Tứ phủ và là hóa thân của Mẫu dẫn tới hai xu hướng giá đồng tái hiện hình ảnh vị nữ tướng và giá hầu theo lối sơn trang, khắc họa hình tượng vị thánh trên thượng ngàn trong nghi lễ Lên đồng.

Trong cái nhìn của con người đương đại tìm về quá khứ lịch sử, thông qua cảm quan cá nhân với các trạng thái tâm lý khác nhau, mục đích khác nhau, bởi vậy hoạt động tái hiện lại hình tượng nhân vật thiêng cũng có đôi chút khác biệt theo thời gian và không gian. Nhìn vào sự phát triển của cơ sở thờ tự, không gian thờ tự Bát Nạn, nhìn vào nhu cầu hành hương cúng bái của con người, nhìn vào số lượng gia tăng các ông, bà đồng, nhìn vào các dịch vụ nghi lễ... có thể thấy sự gia tăng quyền lực không ngừng của một vị thánh châu vốn từng là tướng quân có công với nước, cho thấy tính năng động, mềm mại trong cơ tầng văn hóa Việt./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Trong quá trình khảo cứu, chúng tôi không tìm thấy các ghi chép cụ thể trong chính sử cũng như các ghi chép của tác giả thời phong kiến trước thế kỉ XX (như *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Đại Nam nhất thống chí*,...). Chúng tôi chỉ tìm thấy một số ghi chép liên quan đến hình tượng Đông Nhung đại tướng trong các sách địa chí có niên đại khá muộn vào đầu thế kỉ XX như: *Thái Bình phong vật chí*, *Thái Bình địa dư ký*, *Hưng Yên tỉnh nhất thống chí*... và một số bản sắc phong của triều đình phong kiến hiện còn lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Viện Thông tin Khoa học xã hội. Vì thế, trong bài viết này, chúng tôi sử dụng 10 bản kê được các tác giả sưu tầm trong dân gian, lược bỏ các yếu tố kì ảo để khái quát truyền thuyết về Đông Nhung đại tướng (Để rõ hơn, xin xem thêm Tài liệu tham khảo số 1, 2, 3, 4, 5).
- 2 Đỗ Thị Hảo, Mai Thị Ngọc Chúc (1984), *Các nữ thần Việt Nam*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, tr. 60.
- 3 Phạm Minh Đức, Bùi Duy Lan (2013), *Nữ thần và thánh mẫu Thái Bình*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, tr. 98.
- 4 Nguyễn Minh San (2011), *Lễ hội về nữ thần của người Việt*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 38.
- 5 Nguyễn Thị Ngọc Hà (2016), *Đền Tân La trong đời sống của người dân xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên*, Luận văn Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 22.

- 6 Bát Nạn có nghĩa là giúp dân vượt qua các kiếp nạn. Ngày nay, nhiều người đọc chệch thành Bát Nàn hay Bát Ngàn tướng quân.
- 7 Phạm Minh Đức, Lưu Đức Lượng (2014), *Văn hóa văn nghệ dân gian ở huyện Hưng Hà*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 65.
- 8 Nguyễn Minh San (2011), *Lễ hội về nữ thần của người Việt*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 101.
- 9 Ngô Đức Thịnh (2004), “Tín ngưỡng Bà Chúa Kho và sự biến đổi của xã hội Việt Nam”, *Kỷ yếu Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 148.
- 10 Ngô Đức Thịnh (2013), “Đạo mẫu Tam phủ - Nguồn gốc, đặc điểm và giá trị”, *Kỷ yếu Hội thảo Văn hóa thờ Nữ thần – Mẫu ở Việt Nam và Châu Á - Bản sắc và giá trị*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 556.
- 11 Ngô Đức Thịnh (2007), “Lý thuyết trung tâm và ngoại vi trong nghiên cứu không gian văn hóa”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa dân gian*, số 1, tr. 14-15.
- 12 Đền Đồng Bằng thờ Vua cha Bát Hải Đại Vương nằm sát bờ sông Đồng Bằng, xưa thuộc thôn Đào Động, tổng Vọng Lỗ, huyện Phú Phương, nay là xã An Lễ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Ở đây, theo quan niệm dân gian có phần đồng nhất giữa Vua cha Bát Hải Đại Vương thuộc dòng Long thần (Lạc Long quân) với Đức Thánh Trần (Bát Hải- Trần Triều), ngày giỗ Vua cha đồng thời cũng là ngày giỗ Đức Thánh Trần. Ở đền Đồng Bằng, trong hậu cung thờ Vua cha Bát Hải, hai bên tả hữu thờ Tam tòa Thánh mẫu (phải) và Đức Thánh Trần cùng 10 vị hoàng tử (con Long vương). Trong các điện thần thờ Tứ phủ ngày nay luôn được phối thờ cùng dòng Trần triều hay Đức Vua cha.
- 13 Phạm Hồng Toàn (2017), “Tín ngưỡng thờ Mẫu ở huyện Hưng Hà”, *Kỷ yếu Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (Trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 567.
- 14 Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Phước Bảo Đan, Nguyễn Khánh Trang (2017), “Đến với Mẹ như một liệu pháp tâm lý”, *Kỷ yếu Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (Trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 225.
- 15 Bản văn Chầu Bát – Đông Nhung đại tướng lưu truyền ở Hưng Hà. Để rõ hơn, xem thêm Phạm Minh Đức, Lưu Đức Lượng, *Văn hóa văn nghệ dân gian ở huyện Hưng Hà*, Sdd.
- 16 Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tiến hành khái quát các xu hướng thực hành giá Chầu Bát dựa trên tư liệu điền dã cá nhân trong các cuộc Lên đồng của nhiều ông, bà đồng, tại một số đền, phủ ở miền bắc, từ 1/2019 đến 5/2021.
- 17 Trong quá trình khảo sát tại các đền, phủ trong thời gian từ năm 2019 đến 2021, chúng tôi được tiếp xúc và chứng kiến các thanh đồng thực hành nghi lễ Lên đồng, trong đó có giá Chầu Bát. Cụ thể như sau: Thanh đồng V.T.T (Thái Bình) hầu tại đền Bảo Hà (Lào Cai) ngày 23/1/2020; Thanh đồng N.T.T (Hà Nội) hầu tại Đền thờ Quan lớn Tuần Tranh (Hải Dương) ngày 11/5/2020; Thanh đồng Đ.D (Thái Bình) hầu tại đền Tiên La (Thái Bình) ngày 30/5/2020; Thanh đồng N.M. P (Hà Nội) hầu tại đền Đậu An

- (Hưng Yên) ngày 3/8/2020; Thanh đồng T. P. T (Hưng Yên) hầu tại Chùa Phú Thị (Hưng Yên) ngày 17/2/2021; Thanh đồng D.M.C hầu tại Đền thờ Quan lớn Tuần Tranh (Hải Dương) ngày 28/5/2021
- 18 Ông Đ.V.T. N (69 tuổi) là người Thái Bình, đã tham gia thực hành nghi lễ Lên đồng 44 năm (từ 1977 đến nay). Ông hiện là thủ nhang đền Tiên La và đền Trần (Hưng Hà – Thái Bình).
- 19 Ông T.V.A (57 tuổi) hiện là thủ nhang đền Tân La. Ông vốn là người Thái Bình, có nhiều năm làm cung văn tại đền Tiên La, hiện sinh sống tại Hưng Yên. Ông là con nuôi của thủ nhang đền Tân La trước đây và đã có thời gian dài phụng sự tại đền nên dù không phải là người Hưng Yên nhưng nhân dân vẫn tin nhiệm chọn ông làm thủ nhang đền Tân La. Ông cũng được biết đến là đồng thầy, là thành viên Hội Thanh đồng đạo quan tỉnh Hưng Yên.
- 20 Tư liệu điền dã ngày 15/2/2021 tại đền Tiên La, Thái Bình.
- 21 Tuy nhiên với tính mở của loại hình hát văn, đôi khi các cung văn có thể sử dụng một cách tùy tiện các làn điệu. Trong một số ít trường hợp, dù thanh đồng không múa mỗi nhưng để tạo thêm không khí tươi vui, các cung văn sử dụng cả các điệu *xá thượng* vào các bản văn Châu Bát. Theo các đồng cự, hát các bản văn không đúng với hành trạng, công lao của các vị thánh là có lỗi với thánh (tư liệu điền dã tại đền Tiên La-Thái Bình).
- 22 Tư liệu điền dã tại các đền, phủ từ năm 2019 đến 2021.
- 23 Chúng tôi chỉ thấy xu hướng hầu son trang trong giá Châu Bát diễn ra tại đền Tiên La và Tân La do hai thủ nhang và các thanh đồng ở đây thực hiện. Cụ thể, chúng tôi đã tham gia vào 8 cuộc Lên đồng theo xu hướng này: Thủ nhang đền Tiên La Đ.T.V.N hầu tại đền Tiên La vào ngày 18/2/2019; tại Chùa Linh Ứng (Thái Bình) ngày 15/2/2020; tại đền Tiên La ngày 17/2/2021. Thủ nhang đền Tân La T.V.A hầu tại đền Quan Tam phủ Xích Đằng (Hưng Yên) ngày 6/6/ 2019; tại đền Đậu An (Hưng Yên) ngày 7/5/ 2020; tại Linh Ứng Điện (Hưng Yên) ngày 20/8/2020. Thanh đồng V.X.T (Thái Bình) hầu tại đền Tiên La (Thái Bình) ngày 27/3/2019; tại Đền Mẫu (thành phố Thái Bình) ngày 29/4/2021. Thanh đồng này là đệ tử của thủ nhang đền Tiên La.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Đức, Bùi Duy Lan (2013), *Nữ thần và thánh mẫu Thái Bình*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
2. Phạm Minh Đức, Lưu Đức Lượng (2014), *Văn hóa văn nghệ dân gian ở huyện Hưng Hà*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Ngọc Hà (2016), *Đền Tân La trong đời sống của người dân xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên*, Luận văn Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Đỗ Thị Hào, Mai Thị Ngọc Chúc (1984), *Các nữ thần Việt Nam*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
5. Nguyễn Minh San (2011), *Lễ hội về nữ thần của người Việt*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

6. Ngô Đức Thịnh (2004), “Tín ngưỡng Bà Chúa Kho và sự biến đổi của xã hội Việt Nam”, *Kỷ yếu Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Ngô Đức Thịnh (2013), “Đạo mẫu Tam phủ Nguồn gốc, đặc điểm và giá trị”, *Kỷ yếu Hội thảo Văn hóa thờ Nữ thần – Mẫu ở Việt Nam và châu Á - Bản sắc và giá trị*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
8. Ngô Đức Thịnh (2007), “Lý thuyết trung tâm và ngoại vi trong nghiên cứu không gian văn hóa”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa dân gian*, số 1.
9. Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Phước Bảo Đàn, Nguyễn Khánh Trang (2017), “Đền với Mẹ như một liệu pháp tâm lý”, *Kỷ yếu Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (Trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
10. Phạm Hồng Toàn (2017), “Tín ngưỡng thờ Mẫu ở huyện Hưng Hà”, *Kỷ yếu Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (Trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

Abstract

CHÀU BÁT - ĐÔNG NHUNG GENERAL IN THE THREE AND FOUR PALACES' WORSHIP

Phạm Thị Thơm

University of Social Sciences and Humanities, VNU-Hanoi

General Dong Nhung was one of the first heroines in Vietnamese history. As a patriotic heroine, she participated in Hai Ba Trung's uprising against the Han Dynasty to regain independence for the country. This heroine was deified after her death and became Châu Bát- a goddess in the Four Palaces' worship system- when the Mother Goddess religion was formed in Nam Dinh province. Based on different data, the article focuses on analyzing the development and integration of the Châu Bát worship in the Three Palaces and Four Palaces of the Mother Goddess religion and the role of this goddess in the votive dance ritual.

Keywords: Châu Bát; General Dong Nhung; Three Palaces; Four Palaces; Votive dance ritual.